

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ VẬN TẢI DTM HÀ NỘI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ VẬN TẢI DTM HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DTM HANOI TRANSPORT SERVICES & TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: DTM HANOI TRANSPORT

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109793621

**3. Ngày thành lập:** 27/10/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 27, ngõ 93, đường Chi Đông, tổ 1, Thị Trấn Chi Đông, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0903255111

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4530     |
| 2.  | Bán mô tô, xe máy<br>(Không bao gồm hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4541     |
| 3.  | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4542     |
| 4.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>(Không bao gồm hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4543     |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa<br>(Không bao gồm hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4610     |
| 6.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4632     |
| 7.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4633     |
| 8.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4641     |
| 9.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;<br>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu | 4649     |
| 10. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4651     |
| 11. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4652     |
| 12. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4653     |
| 13. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4659     |

|     |                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 14. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Không bao gồm hoạt động đấu giá)  | 8299        |
| 15. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                  | 7710        |
| 16. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                       | 4690        |
| 17. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                    | 4711        |
| 18. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                      | 4719        |
| 19. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                       | 4721        |
| 20. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                        | 4722        |
| 21. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                          | 4723        |
| 22. | Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành                                                                                                                         | 4921        |
| 23. | Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh                                                                                                | 4922        |
| 24. | Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác                                                                                                                               | 4929        |
| 25. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                     | 4931        |
| 26. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                        | 4932        |
| 27. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                          | 4933(Chính) |
| 28. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                             | 5210        |
| 29. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                        | 5224        |
| 30. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                 | 5225        |
| 31. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                     | 5229        |
| 32. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                          | 7730        |
| 33. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741        |
| 34. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4742        |
| 35. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                         | 4751        |
| 36. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753        |
| 37. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 38. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                | 4761        |

**6. Vốn điều lệ:** 950.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 28/08/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001081016669

Ngày cấp: 24/09/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 27, ngõ 93, đường Chi Đông, tổ 1, Thị trấn Chi Đông, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 27, ngõ 93, đường Chi Đông, tổ 1, Thị trấn Chi Đông, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội